

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN HÀM YÊN
(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (Đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG CỘNG		119	889,96	889,96	314,08	575,87		
I	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG NĂM KẾ HOẠCH TRƯỚC VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 67 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH	94	814,33	814,33	279,89	534,43		
1	Các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2025.	30	88,15	88,15	0,23	87,92		
1.1	Các công trình, dự án thu hồi đất quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai (không thuộc khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai)	24	35,59	35,59	0,23	35,36		
1	Mở rộng khuôn viên trường Mầm Non (điểm trường chính) xã Bằng Cốc	1	0,25	0,25		0,25	LUK	Xã Bằng Cốc
2	Mở rộng khuôn viên trường TH&THCS (điểm trường chính) xã Bằng Cốc	1	1,10	1,10		1,10	LUK; BHK; CLN	Xã Bằng Cốc
3	Trạm cấp nước tập trung xã Bạch Xa	1	0,12	0,12		0,12	RSX	Xã Bạch Xa
4	Xây dựng mạch kép đường dây 22 kV lộ 471 và 472 từ TBA 110kV E14.11 đến TBA TGHY, cấp nguồn cho lộ 971, 972 sau TBA 110kV Hàm Yên lên vận hành cấp điện áp 22kV	1	0,10	0,10		0,10	RSX	TT Tân Yên
5	XDM lộ 473 E14.11 từ tủ xuất tuyến TBA 110kV E14.11 kết nối mạch vòng với lộ 472E14.11	1	0,03	0,03		0,03	RSX	TT Tân Yên
6	Cải tạo nâng cấp đường dây 10kV lộ 971 TGHY sau trạm trung gian 35/10kV Hàm Yên lên vận hành cấp điện áp 22kV	1	0,47	0,47		0,02	LUC	TT Tân Yên
						0,45	LUC; CLN	Xã Nhân Mục
7	Cải tạo nâng cấp đường dây 10kV lộ 972 TGHY sau trạm trung gian 35/10kV Hàm Yên lên vận hành cấp điện áp 22kV	1	0,17	0,17		0,17	RSX	TT Tân Yên
8	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lộ 371E14.11 với lộ 377E14.11 sau TBA 110kV Hàm Yên, khu vực huyện Hàm Yên theo phương pháp đa chia-đa nối.	1	0,29	0,29		0,29	LUC,HNK	Xã Thái Sơn, Xã Tân Thành, Xã Yên Lâm
9	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.32 km12+640 ĐH.07 - Minh Khương - Bạch Xa - Yên Thuận (Tiểu dự án giao thông huyện Hàm Yên - TDA4)	1	5,92	5,92		5,92	LUC,CLN	Xã Minh Khương, xã Bạch Xa, Xã Yên Thuận
10	Trường Mầm non Đức Ninh (Điểm trường chính)	1	0,50	0,50		0,50	CLN	Xã Đức Ninh
11	Trường Mầm non Đức Ninh (Điểm trường Cây Xoan)	1	0,50	0,50		0,50	LUC; BHK; CLN	Xã Đức Ninh
12	Mở rộng Chợ trung tâm xã Yên Lâm	1	1,73	1,73	0,23	1,50	RSX	Xã Yên Lâm
13	Xây dựng cơ sở hạ tầng ổn định dân cư thôn 6 Minh Tiến, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	1	10,00	10,00		10,00	BHK; CLN; ONT; DGD; DVH; DTT; RSX; DGT	Xã Minh Hương
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng ổn định dân cư thôn 2 Thuộc Thượng, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	1	0,40	0,40		0,40	CLN	Xã Tân Thành
15	Trạm Y tế xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	1	0,25	0,25		0,25	BHK; RSX	Xã Bạch Xa
16	Xây dựng Trường Tiểu học Thái Sơn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	1,00	1,00		1,00	RSX	Xã Thái Sơn
17	Quy hoạch khu dân cư tại khu vực thôn Chợ Bọ 2, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	1	1,20	1,20		1,20	LUK; BHK	Xã Bình Xa
18	Quy hoạch khu dân cư thôn Nà Luộc (2 khu) xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	1	1,46	1,46		1,46	LUC; CLN	Xã Phù Lưu
19	Quy hoạch điểm dân cư hai bên tuyến đường Quốc lộ 3B địa phận xã Bình Xa (2 khu) xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	0,80	0,80		0,80	BHK	Xã Bình Xa
20	Khu dân cư hai bên đường Cầu Bọ - đi cầu Tân Yên (đường Tân Yên-Thái Sơn), xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	1	2,00	2,00		2,00	BHK	Xã Thái Sơn
21	Quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 6 Minh Quang (2 vị trí) xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	2,00	2,00		2,00	LUC	Xã Minh Hương
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư trung tâm xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	0,80	0,80		0,80	BHK; CLN	Xã Thành Long
23	Khu dân cư thôn Quảng Tân, xã Yên Lâm	1	3,00	3,00		3,00	NHK; CLN; RSX	Xã Yên Lâm
24	Chùa Tân An, thị trấn Tân Yên	1	1,50	1,50		1,50	CLN; ONT; DGT; NTD	TT Tân Yên
1.2	Các công trình, dự án sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2024	6	52,56	52,56		52,56		

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (Đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mỏ đá vôi An Thạch, xã Thái Sơn	1	15,00	15,00		15,00	ONT; CLN; RSX	Xã Thái Sơn
2	Mỏ đá vôi Đồng Lệnh, xã Tân Thành	1	15,30	15,30		15,30	NCS;RSX	Xã Tân Thành
3	Dự án đầu tư xưởng tuynen quặng thiếc thôn 4, Mỏ Nghiều, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	1	6,80	6,80		6,80	SKS	Xã Tân Thành
4	Mở rộng mỏ đá vôi Thái Sơn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	4,26	4,26		4,26	RSX	Xã Thái Sơn
5	Mở rộng khu phụ trợ, chế biến mỏ đá vôi Thái Sơn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	11,00	11,00		11,00	CLN; RSX	Xã Thái Sơn
6	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại xã Yên Phú, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	0,20	0,20		0,20	SKC	Xã Yên Phú
2	Các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất đề nghị tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để triển khai thực hiện (khoản 6, Điều 73 Luật đất đai)	37	186,80	186,80		186,80		
2.1	Các công trình, dự án thu hồi đất quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai (không thuộc khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai)	26	43,48	43,48		43,48		
1	Khu dân cư thôn Thọ Bình 2, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên (1 điểm nằm trên Tuyến đường ĐT 189, 1 điểm nằm trên tuyến đường Bình Xa - Minh Hương	1	1,80	1,80		1,80	LUC, BHK	Xã Bình Xa
2	Khu dân cư kết hợp khu trung bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	6,50	6,50		6,50	LUC; BHK; NTS; CLN	Xã Phù Lưu
3	CQT, giám bán kính cấp điện, giảm tổn thất và cải thiện chất lượng điện áp khu vực các xã Yên Phú, Minh Khương, Thái Sơn, Bình Xa, Minh Hương, Huyện Hàm Yên năm 2024	1	0,31	0,31		0,31	RSX	Xã Yên Phú, Minh Khương, Thái Sơn, Bình Xa, Minh Hương
4	CQT, giám bán kính cấp điện, giảm tổn thất và cải thiện chất lượng điện áp khu vực các xã Yên Lâm, Yên Thuận, Thái Hòa, Thành Long, Huyện Hàm Yên năm 2024	1	0,21	0,21		0,21	RSX	Xã Yên Lâm, Yên Thuận, Thái Hòa, Thành Long
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên	1	10,00	10,00		10,00	LUC; CLN ; RSX; DGT; SON	TT Tân Yên
6	Công trình (Nhà máy hoặc Trạm) xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Tân Yên	1	0,30	0,30		0,30	LUC; CLN	TT Tân Yên
7	Quy hoạch bãi rác, nhà máy xử lý rác thải xã Minh Dân	1	5,00	5,00		5,00	RSX	Xã Minh Dân
8	Cơ sở tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp xã Bình Xa	1	0,20	0,20		0,20	HNK	Xã Bình Xa
9	Nhà máy xử lý rác thải Tâm Hà	1	5,00	5,00		5,00	RSX	Xã Thái Sơn
10	Xây dựng bể bơi huyện Hàm Yên	1	0,30	0,30		0,30	LUC	TT Tân Yên
11	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt TT Tân Yên	1	0,20	0,20		0,20	CLN	Thị trấn Tân Yên
12	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt xã Yên Phú	1	0,04	0,04		0,04	CLN	Xã Yên Phú
13	Xây dựng Trạm biến áp xã Minh Khương	1	0,02	0,02		0,02	HNK	Xã Minh Khương
14	Xây dựng khu dân cư thôn Ao vệ (trên trục đường Quốc lộ 2), xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	1,00	1,00		1,00	LUC; HNK	Xã Thái Hòa
15	Xây dựng điểm dân cư trung tâm xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	1	1,20	1,20		1,20	NTS	Xã Thái Sơn
16	Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên	1	3,00	3,00		3,00	LUC; HNK; CLN; NTS	TT Tân Yên
17	Xây dựng mạch vòng lộ 377 E14.11 với lộ 372 E14.2	1	0,27	0,27		0,27	LUC,CLN	Xã Phù Lưu, xã Bạch Xa
18	Công trình Đường dây và trạm biến áp cấp điện cho xã Phù Lưu, Yên Lâm	1	2,45	2,45		2,45	LUC; RSX; CLN; BHK	Xã Phù Lưu, Yên Lâm
19	Dự án kè chống sạt lở bờ suối Hê, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	1	1,00	1,00		1,00	SON; DTL	Xã Yên Phú
20	Xây dựng mạch vòng giữa lộ 371E14.11 với lộ 377E14.11 và cấy thêm TBA để giảm bán kính cấp điện và giảm số lượng khách hàng có điện áp thấp khu vực xã Tân Thành và xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên năm 2021	1	0,60	0,60		0,60	LUC; RSX	Xã Tân Thành, xã Yên Thuận
21	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực huyện Hàm Yên bổ sung năm 2020	1	1,20	1,20		1,20	LUC; RSX	Xã Tân Thành, xã Bình Xa, xã Yên Thuận, xã Yên Phú, xã Thái Sơn, xã Phù Lưu
22	Chống quá tải giảm tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện áp khu vực xã Phù Lưu, Minh Khương huyện Hàm Yên bổ sung năm 2021	1	0,27	0,27		0,27	LUC; RSX	Xã Phù Lưu và xã Minh Khương
23	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện áp khu vực các xã Hùng Đức, Bằng Cốc, Tân Thành, Bạch Xa, huyện Hàm Yên năm 2022	1	0,20	0,20		0,20	LUC; RSX	Xã Hùng Đức, Bằng Cốc, Tân Thành, Bạch Xa
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu thương mại, dịch vụ và nhà ở tại trụ sở HDNH-UBND huyện cũ, thị trấn Tân Yên	1	0,90	0,90		0,90	TSC	TT Tân Yên

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (Đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
25	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Tân thành, Yên Phú, Minh Dân, Minh Khương, Phù Lưu, Thái Hòa, Thái Sơn, Hùng Đức, Minh Hương và TT Tân Yên, huyện Hà Nội	1	1,24	1,24		1,24	LUC; RSX	Tân thành, Yên Phú, Minh Dân, Minh Khương, Phù Lưu, Thái Hòa, Thái Sơn, Hùng Đức, Minh Hương và TT Tân Yên
26	Cây TBA mới để giám TTĐN cho các TBA có tỷ lệ >10% tỉnh Tuyên Quang	1	0,27	0,27		0,27	LUC; RSX	Xã Hùng Đức, xã Minh Khương
2.2	Các công trình, dự án sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2024	11	143,32	143,32		143,32		
1	Nhà máy sản xuất bột đá trắng xã Yên Phú, huyện Hà Nội	1	3,75	3,75		3,75	CLN; ONT	Xã Yên Phú
2	Mỏ đá hoa trắng xã Yên Phú (km54-km57)	1	16,10	16,10		16,10	RSX; NCS	Xã Yên Phú
3	Khu phụ trợ khai thác mỏ sắt Cây Quế, xã Hùng Đức, huyện Hà Nội	1	6,40	6,40		6,40	RSX	Xã Hùng Đức
4	Dự án xây dựng Xưởng tuyển quặng sắt	1	16,50	16,50		16,50	RSX; NCS; CLN, LUC, BHK, DGT, DTL	Xã Hùng Đức
5	Mở rộng khu phụ trợ mỏ đá hoa Bạch Mã, xã Yên Phú	1	33,00	33,00		33,00	LUC; RSX	Xã Yên Phú
6	Dự án xưởng tuyển khoáng sản kim loại tại xã Đức Ninh	1	29,80	29,80		29,80	LUC; CLN; RSX; NTS; DGT; NTD; SON	Xã Đức Ninh, huyện Hà Nội
7	Dự án đầu tư khai thác đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hà Nội, tỉnh Tuyên Quang	1	29,00	29,00		29,00	RSX; CLN; NTS; HNK; DGT	Xã Thành Long
8	Trụ sở Hợp tác xã rau quả an toàn xã Đức Ninh và các hạng mục phụ trợ	1	0,20	0,20		0,20	NTS	Thôn Ao Sen 1, Xã Đức Ninh
9	Trụ sở Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh cá đặc sản Thái Hòa	1	0,04	0,04		0,04	NHK	Thôn Ba Luông, Xã Thái Hòa
10	Trụ sở Hợp tác xã Vịt bầu Minh Hương	1	0,03	0,03		0,03	NHK	Thôn Chợ Bọ 2, xã Bình Xa
11	Nhà máy may công nghệ cao Tuyên Quang LGG 3, tại xã Thái Sơn, huyện Hà Nội, tỉnh Tuyên Quang	1	8,50	8,50		8,50	LUC; BHK; CLN; ONT; DGT; DTL; SON	Xã Thái Sơn
3	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	27	539,38	539,38	279,66	259,72		
1	Trụ sở làm việc của công an xã Minh Dân	1	0,15	0,15		0,15	RSX; TSC	Minh Dân
2	Trụ sở làm việc của công an xã Đức Ninh	1	0,10	0,10		0,10	TSC	Đức Ninh
3	Trụ sở làm việc của công an xã Thái Sơn	1	0,10	0,10		0,10	DGD	Thái Sơn
4	Trụ sở làm việc của công an xã Thành Long	1	0,10	0,10		0,10	CLN	Thành Long
5	Trụ sở làm việc của công an xã Minh Hương	1	0,11	0,11		0,11	DYT	Minh Hương
6	Trụ sở làm việc của công an xã Yên Thuận	1	0,10	0,10		0,10	DTT	Yên Thuận
7	Trụ sở làm việc của công an xã Phù Lưu	1	0,12	0,12		0,12	DYT	Phù Lưu
8	Trụ sở làm việc của công an xã Bình Xa	1	0,15	0,15		0,15	LUC	Bình Xa
9	Trụ sở làm việc của công an xã Nhân Mục	1	0,12	0,12		0,12	CLN	Nhân Mục
10	Trụ sở làm việc của công an xã Bằng Cốc	1	0,15	0,15		0,15	LUC	Bằng Cốc
11	Trụ sở làm việc của công an xã Thái Hòa	1	0,15	0,15		0,15	TSC	Thái Hòa
12	Trụ sở làm việc của công an xã Hùng Đức	1	0,12	0,12		0,12	DCH	Hùng Đức
13	Trụ sở làm việc của công an xã Tân Thành	1	0,12	0,12		0,12	TMD	Tân Thành
14	Trụ sở làm việc của công an TT Tân Yên	1	0,16	0,16		0,16	TSC	TT Tân Yên
15	Trụ sở làm việc của công an xã Bạch Xa	1	0,12	0,12		0,12	TSC	Bạch Xa
16	Trụ sở làm việc của công an xã Yên Lâm	1	0,11	0,11		0,11	TSC	Yên Lâm
17	Trụ sở làm việc của công an xã Yên Phú	1	0,36	0,36		0,36	SKC	Yên Phú
18	Trụ sở làm việc của công an xã Minh Khương	1	0,10	0,10		0,10	TMD	Minh Khương
19	Công trình quốc phòng	1	25,00	25,00		25,00	HNK; CLN; NCS	Yên Phú
20	Khu dân cư để bố trí ổn định dân cư đồng bào dân tộc Mông tại thôn Quảng Tân, xã Yên Lâm	1	2,00	2,00		2,00	HNK; CLN; RSX	Xã Yên Lâm
21	Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	1	472,98	472,98	272,96	200,02		Hùng Đức, Đức Ninh, Thái Hòa, Thành Long, Thái Sơn, Tân Thành, Phù Lưu, Minh Dân, Minh Khương, Bạch Xa và TT Tân Yên
22	Khu quân sự	1	2,80	2,80		2,80	RSX	Thị trấn Tân Yên
23	Cải tạo, nâng cấp đường Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục (ĐH.05), đoạn Km0+00 - Km18+200, huyện Hà Nội, tỉnh Tuyên Quang	1	5,00	5,00		5,00	LUC; LUK; RSX; CLN; BHK	Xã Thái Sơn; xã Thành Long; xã Bằng Cốc; xã Nhân Mục

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (Đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
24	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, Km0+00 - Km57+00 (xã Bình Xa - thôn Lục Khang, xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang)	1	10,00	10,00		10,00	LUC; LUK; RSX; CLN; BHK	Xã Bình Xa và xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên
25	Xây dựng bến xe khách huyện Hàm Yên	1	4,00	4,00		4,00	RSX; CLN; NTS; LUC	TT Tân Yên
26	Nâng cấp, mở rộng trục đường tuyến đường ĐH02 Đức Ninh-Hùng Đức	1	0,71	0,71		0,71	LUC; CLN	Xã Đức Ninh, xã Hùng Đức
27	Cải tạo nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	14,45	14,45	6,70	7,75	LUC; LUK; RSX; CLN; BHK	TT Tân Yên; xã Thái Sơn; xã Thái Hoà, xã Đức Ninh
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 116 LUẬT ĐẤT ĐAI DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH	2	15,04	15,04		15,04		
1	Các công trình, dự án theo quy định tại điều 79 Luật Đất đai (đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 78/NQ-HĐND ngày 26/12/2024, Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 20/02/2025)	2	15,04	15,04		15,04		
1	Dự án khai thác mỏ đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Trung Thành 4, thôn Trung Thành 4, xã Thành Long	1	14,80	14,80		14,80	RSX	Xã Thành Long
2	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực thị trấn Tân Yên và các xã Thái Sơn, Đức Ninh, Minh Dân, Bình Xa, Hùng Đức, Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	0,07	0,07		0,07	LUC; BHK; CLN; DGT, DTL; SON	Xã Đức Ninh
			0,06	0,06		0,06	LUC; BHK; CLN; DGT, NTD; DCS	Xã Minh Dân
			0,04	0,04		0,04	LUC; BHK	Xã Bình Xa
			0,07	0,07		0,07	LUC; BHK; CLN; DGT, DTL; SON, NCS	Xã Thái Sơn
III	DỰ ÁN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI KHU ĐẤT ĐÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	14	14,60	14,60	0,07	14,53		
	Đấu giá QSD đất đối với đất ở	12	13,49	13,49	0,07	13,42		
1	Khu dân cư Cổng Đồi	1	0,10	0,10		0,10		TT Tân Yên
2	Khu dân cư thôn 2 Thái Bình, xã Thái Sơn	1	0,60	0,60		0,60		Xã Thái Sơn
3	Khu dân cư thôn Đồng Chùa, xã Thái Hòa	1	2,10	2,10		2,10		Xã Thái Hòa
4	Khu dân cư thôn Phù Hương, xã Bạch Xa	1	0,50	0,50		0,50		Xã Bạch Xa
5	Khu dân cư trung tâm xã Bình Xa (thôn Đồng Chùa 1,2)	1	2,00	2,00		2,00		Xã Bình Xa
6	Khu dân cư thôn Vá xã Yên Thuận (đường lên thôn Cao Đường)	1	2,00	2,00		2,00		Xã Yên Thuận
7	Khu dân cư thôn 2 Minh Thái, xã Thái Sơn	1	0,60	0,60		0,60		Xã Thái Sơn
8	Khu dân cư Trung tâm xã Bằng Cốc	1	0,50	0,50		0,50		Xã Bằng Cốc
9	Khu dân cư Trung tâm xã Nhân Mục	1	0,95	0,95		0,95		Xã Nhân Mục
10	Khu dân cư trung tâm xã Thái Sơn	1	2,24	2,24		2,24		Xã Thái Sơn
11	Khu dân cư thôn Ao Vệ (trên đường Quốc lộ 2) , xã Thái Hòa	1	1,30	1,30		1,30		Xã Thái Hòa
12	Khu dân cư thôn Cây Chanh 1, xã Đức Ninh	1	0,60	0,60	0,07	0,53		Xã Đức Ninh
	Đấu giá QSD đất đối với đất thương mại, dịch vụ	2	1,11	1,11		1,11		
13	Khu dịch vụ thương mại tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1	0,21	0,21		0,21		TT Tân Yên
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu thương mại, dịch vụ và nhà ở tại trụ sở HĐND-UBND huyện cũ, TT Tân Yên	1	0,90	0,90		0,90		TT Tân Yên
IV	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI MỤC I, MỤC II, MỤC III BIỂU NÀY VÀ KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 116 LUẬT ĐẤT ĐAI DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH	9	45,99	45,99	34,12	11,87		
1	Dự án sản xuất bê tông Asphalt, bê tông xi măng tại xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	1	1,20	1,20		1,20	HNK	Xã Tân Thành
2	Dự án khai thác mỏ quặng sắt Ma Long (xã Phù Lưu) và Suối Lếch (xã Tân Thành)	1	12,22	12,22	12,22		SKS	Xã Phù Lưu, xã Tân Thành
3	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng sắt Làng Tề (xã Thái Hòa)	1	11,3	11,3	11,3		SKS	Xã Thái Hòa
4	Dự án khai thác mỏ quặng sắt Làng Mường (xã Phù Lưu)	1	10,6	10,6	10,6		SKS	Xã Phù Lưu

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (Đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
5	Mô đất thôn Đồng Mới, xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	1	1,83	1,83		1,83	RSX	Xã Minh Dân
6	Mô đất thôn Khuân Then, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	1	6,31	6,31		6,31	RSX	Xã Hùng Đức, Đức Ninh
7	Trụ sở làm việc của Huyện Ủy Hàm Yên	1	1,40	1,40		1,40	DGD	TT Tân Yên
8	Trụ sở làm việc của HĐND, UBND huyện và các Hạng mục phụ trợ (Đường vào khu công viên cây xanh)	1	0,68	0,68		0,68	DGD	TT Tân Yên
9	Trụ sở làm việc của phòng Tài chính - kế hoạch huyện Hàm Yên	1	0,45	0,45		0,45	SKC; SON	TT Tân Yên